

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/01/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Chiên - Ông Lê Trung Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 –
Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 372/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Kim C, sinh ngày 02/8/1992, Số CCCD: 077192011002 cấp ngày 26/9/2022.

Cư trú tại: Số E T, tổ A, khu phố C L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;
(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh ngày 26/11/1990, Số CCCD: 077090008709 cấp ngày 27/11/2021.

HKTT: Khu phố L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở hiện nay: Số E T, tổ A, khu phố C L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Vũ Thị Kim C1 bày:

Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 31/5/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan

tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim C yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

+ Về con chung: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/5/2021. Sau ly hôn, bà C đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 14/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Thành N1 bày:

Ông Nguyễn Thành N2 bà Vũ Thị Kim C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 31/5/2021. Sau thời gian chung sống đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng còn chung sống một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý.

+ Về con chung: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/5/2021. Sau ly hôn, ông đồng ý giao cháu Gia H cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông Nguyễn Thành N3 vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên tòa của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 31/5/2021, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N, bà C là có thật và bắt nguồn từ việc cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong tính tình, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N4 đến Tòa án làm việc, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn với bà C. Mặt khác bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hoà giải.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà C, ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà C.

[2.2] *Về việc nuôi con chung*: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/5/2021.

Xét thấy bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu Gia H1 còn nhỏ. Đồng thời, ông N đồng ý giao con chung cho bà C2 tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/5/2021 cho bà Vũ Thị Kim C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành N đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên cần ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N4 yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Vũ Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim C đối với ông Nguyễn Thành N5 việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

1.2. Về con chung: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 23/5/2021.

Sau ly hôn, buộc ông Nguyễn Thành N giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H cho bà Vũ Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị Kim C và ông Nguyễn Thành N4 yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Vũ Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 39419 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà C3 nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)/.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 12 – TP. HCM;
- Phòng THADS Khu vực 12 – TP. HCM;
- UBND phường Bà Rịa, TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường